

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYỀN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **477/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 20/7/2026
Về việc: “*Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYỀN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Long và ông Phạm Văn Vượng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 185/2026/TLST-HNGĐ, ngày 07/4/2026 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 29/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- *Anh Lương Văn K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Lương Văn K kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2010 tại

Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) *Giấy chứng nhận kết hôn số 273, ngày 04 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay thôn C, xã H, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 3 năm 2026 chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn K.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Nguyên nhân là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh K hay cờ bạc, rượu chè ít quan tâm tới gia đình và vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích.... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến giữa năm 2024 khi mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị đã quyết định đi ra ngoài thuê phòng trọ để sống, hiện nay chị và anh K đã sống ly thân được 2 năm. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn chị và anh K đã được hai bên gia đình, thôn xóm nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn K.

- Về con chung: Chị Vũ Thị H xác định chị và anh Lương Văn K có 02 người con chung là cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 24/01/2017. Quá trình giải quyết chị H có quan điểm nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, cháu Đ. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Lời khai của cháu Lương Thị Huyền T và cháu Lương Xuân Đ có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với mẹ.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H xác định chị và anh Lương Văn K không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Vũ Thị H xác định chị và anh Lương Văn K không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Vũ Thị H và anh Lương Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn C, xã H tỉnh Tuyên Quang). Chị H và anh K kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn C, xã H tỉnh Tuyên Quang cùng với gia đình nhà anh Lương Văn K. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, anh Kiều ham C không quan tâm tới gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Vợ chồng hiện sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Mâu thuẫn đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Hiện tại anh Lương Văn K không có mặt tại địa phương. Anh K đang đi lái xe ô tô ở khu vực thành phố Hà Nội, địa chỉ nơi làm việc, nơi ở trọ như thế nào gia đình, địa phương không nắm

được, anh K vẫn thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết hoặc gia đình có việc.

Anh Lương Văn K làm lái xe ô tô ở khu vực thành phố Hà Nội, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh K vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Lương Văn K không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Vũ Thị H và anh Lương Văn K kết hôn vào ngày 04/3/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Lương Văn K; về con chung: Giao cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Vũ Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Vũ Thị H đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Vũ Thị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn K và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Anh Lương Văn K đăng ký HKTT tại thôn C, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Lương Văn K nhiều lần nhưng anh K không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do

vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Lương Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 04/3/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Kiều ham C không quan tâm tới gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Tháng 3 năm 2026 chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn K.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Vũ Thị H và anh Lương Văn K có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Lương Văn K.

2.2. Về con chung: Chị Vũ Thị H và anh Lương Văn K có 02 con chung là Lương Thị Huyền T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 24/01/2017.

Xét thấy, cháu Lương Thị Huyền T và cháu Lương Xuân Đ là con chung của chị H và anh K nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Tuy nhiên, do anh K không có mặt ở địa phương, quá trình giải quyết chị H có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu và không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Lời khai của cháu Lương Thị Huyền T và cháu Lương Xuân Đ đều thể hiện nguyện vọng của các cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Vũ Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị H xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Vũ Thị H xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Lương Văn K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 273, ngày 04 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang))

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Huyền T, sinh ngày 13/4/2013 và cháu Lương Xuân Đ, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Vũ Thị H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000014705651, ngày 07/4/2026 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 116, ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Lương Văn K không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1 – TQ;
- T.H.A dân sự tỉnh TQ;
- UBND xã S (Nơi ĐKKH);
- UBND xã H (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến